

Nhà khẩn hoang kiệt xuất NGUYỄN CÔNG TRÚ qua tài liệu cổ

Hồng Nhung

DANH NHÂN NGUYỄN CÔNG TRÚ (1778-1858) QUÊ Ở LÀNG UY VIỄN, HUYỆN NGHI XUÂN, HÀ TĨNH LÀ MỘT NHÂN VẬT KIẾT XUẤT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM. ÔNG LÀ MỘT NHÀ QUÂN SỰ, NHÀ THƠ NHUNG TRONG CUỘC ĐỜI ÔNG, SỰ NGHIỆP LỪNG LẪY NHẤT CHÍNH LÀ VIỆC LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC KHAI HOANG, LẬP RA HAI HUYỆN TIỀN HẢI VÀ KIM SON. CÓ THỂ NÓI, DƯỚI THỜI NGUYỄN, NGUYỄN CÔNG TRÚ LÀ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG TÍCH CỰC NHẤT CHO SỰ NGHIỆP BIỂN NHỮNG KHU ĐẤT HOANG THÀNH RUỘNG ĐỒNG PHÌ NHIỀU.

Theo tài liệu *Châu bản triều Nguyễn*, sau khi dẹp tan nhiều cuộc nổi loạn, Nguyễn Công Trứ nhận thấy nhu cầu bức thiết của dân nghèo là cần có ruộng đất để sinh nhai. Đồng thời quan sát thấy bãi biển Tiền Châu của huyện Chân Định, Nam Định ruộng đất mênh mông lại hoang hóa, Nguyễn Công Trứ dâng sớ trình bày sự cần thiết của việc vỡ ruộng hoang cho dân nghèo. Theo *Dại Nam thực lục*, bản sớ có đoạn: “Đời làm ăn xưa chia ruộng định của, dân có nghiệp thường cho nên ở yên

nơi làng mạc không có gian tà. Ngày nay những dân nghèo túng, ăn dung chơi không, khi cùng thì hợp nhau trộm cướp, cái tệ không ngăn cấm được. Trước thần đến Nam Định thấy ruộng bỏ hoang ở các huyện Giao Thủy, Chân Định mênh mông bát ngát. Ngoài ra còn không biết mấy nghìn trăm mẫu, hỏi ra thì dân địa phương muốn khai khẩn, nhưng phí tổn nhiều, không đủ sức làm. Nếu cấp cho tiền công thì có thể nhóm hợp dân nghèo mà khai khẩn, nhà nước phí tổn không mấy mà mối lợi tự nhiên sẽ đến vô cùng. Và lại bãi Tiền Châu ở huyện Chân Định hoang rậm, trộm cướp thường tụ họp ở đấy làm sào huyệt, nay khai phá ra, không những có thể cho dân nghèo làm ăn, lại còn dứt được đảng ác⁽¹⁾.

Ông cũng đề xuất cách thức triển khai việc khẩn hoang: “Xin sai trấn thần khám xét, phạm những đất hoang có thể khai khẩn được, cho những người địa phương giàu có chia nhau trông coi công làm, mộ những dân nghèo các hạt đến khai khẩn, như mộ được 50 người thì lập làm một làng, cho làm lý trưởng, mộ được 30 người thì lập làm một ấp, cho làm ấp trưởng; đều tính đất chia cho. Cấp cho tiền công để làm cửa nhà, mua trâu bò nông cụ; lại lượng cấp tiền gạo lương tháng trong hạn 6 tháng, ngoài hạn ấy thì làm lấy mà ăn, 3 năm thành ruộng, đến chiếu lệ tư điền mà đánh thuế. Quan phủ huyện sở tại lập kho chứa thóc để phòng năm mất mùa cho dân

vay. Những làng ấp mới lập gọi là “quân Lực bản”. Phàm các hạt xét thấy những dân du đảng không bầu víu vào đâu, đều đưa cả về đấy. Như thế thì đất không bỏ hoang, dân đều làm ruộng, phong tục kiêu bạc lại thành thuần hậu”. Vua Dụ rằng: “Nay các hạt Bắc Thành dần yên, nhân dân hơi biết hướng theo giáo hoá có thể nhân cơ hội này, đưa dân về ruộng đất, khiến yên nghiệp làm ăn, dân có của thường thì có lòng thường, bọn trộm cướp tất phải tan đi mà ngấm hoá. Và lại triều đình khai hoá không cái gì trước việc dạy dân chăm nghề gốc. Nay việc dinh điền đã giao cho khanh phạm việc có thể làm lợi trừ hại cho dân, cho tùy tiện mà làm, nên hết lòng xếp đặt sớm báo thành công, để yên ủi lòng Trẫm mong đợi⁽²⁾”.

Về vấn đề nhân lực, Nguyễn Công Trứ chủ trương tận dụng tất cả những người có thể điều động được vào công cuộc khẩn hoang. Trong đó, ông đề xuất thu hút hầu hết nông dân lưu tán và những người trước vì giặc bắt hiếp mà đi theo, nếu hoàn lương thì sẽ cấp ruộng cho làm: “Bình dân Bắc Thành, trước vì giặc bắt hiếp đi theo có đến hàng nghìn sợ hãi trốn biệt không có đường về, không khỏi đi theo những tướng giặc còn trốn. Xin phạm kẻ nào hối quá hoàn lương, thì cho đến sở Dinh điền thú tội, theo sức mà cấp ruộng cho làm. Những chỗ ruộng đất rải rác có thể lập thành làng trại, đủ cho 15 người ở trở lên thì xin lập làm một trại,

18 người trở lên thì lập làm một giáp, đều đặt tên trại trưởng và giáp trưởng trông coi. Thế thì đất sẽ không có chỗ bỏ không". Vua đều y cho⁽³⁾.

Tháng 3 năm Mậu Tý (1828), vua Minh Mạng lệnh cho Nguyễn Công Trứ làm Dinh điền sứ.

Đến Tiền Châu, Nguyễn Công Trứ nhanh chóng bắt tay tổ chức việc khai hoang, đem đất Tiền Châu cùng đất đổi ngạn bên tả bên hữu đo đạc đất hoang chia cấp cho dân nghèo, thành 14 lý, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp, số đình được hơn 2.350 người, số ruộng được hơn 18.960 mẫu (lý 600 mẫu, ấp 400 mẫu, trại 200 mẫu, giáp 120 mẫu. Cứ 100 mẫu trừ đình chùa thổ trạch đất mạ, đất già 30 mẫu, còn thành điền 70 mẫu. Trong số 15 mẫu thì định làm nhất đẳng một mẫu, nhị đẳng 2 mẫu, tam đẳng 12 mẫu).

Đến tháng 10 năm Mậu Tý (1828), ông đã thành lập một huyện mới có tên là Tiền Hải, thuộc phủ Kiến Xương, tỉnh Nam Định. *Đại Nam thực lục* chép: "Một dải Tiền Châu liên tiếp bãi biển. Trước kia cây cỏ rậm rạp, bọn cướp hay tụ họp ở đấy, không ai dám đến gần. Đã có câu nói "ai dám đến đùa quấy ở giặc mà chơi". Lãnh Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ đến nơi, chiêu tập phủ dụ lòng người mới yên"⁽⁴⁾.

Sau đó, nhận thấy vùng đất bồi ven biển Ninh Bình đã thành thổ màu mỡ phì nhiêu có thể cấy được lúa, Nguyễn Công Trứ lại tâu lên vua Minh Mạng xin khai khẩn: "Thần trộm thấy ở các huyện Yên Khánh, Yên Mô thuộc Ninh Bình, cùng chỗ đổi ngạn với huyện Nam Chân thuộc Nam Định, một dải bãi biển còn nhiều đất hoang rậm, đất cấy lúa được chẳng kém gì Tiền Hải. Xin cho đến đo đạc để lập thành ấp lý"⁽⁵⁾.

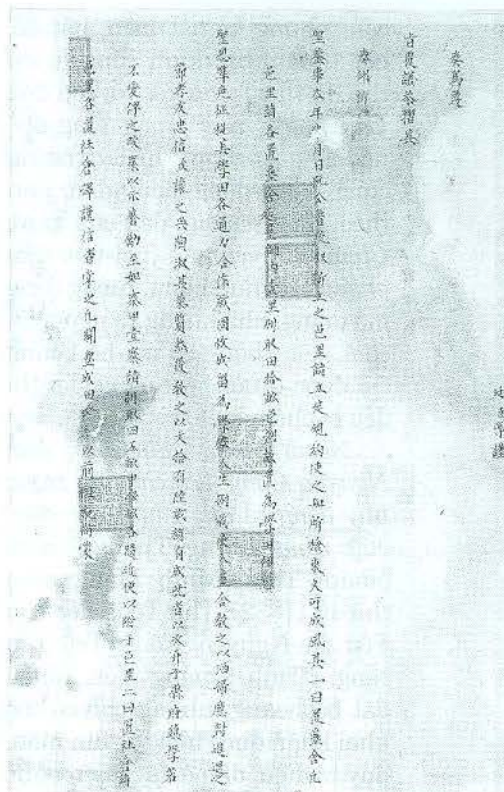
Đến tháng 3 năm Kỷ Sửu (1829), bắt đầu đặt huyện Kim Sơn, lệ vào phủ Yên Khánh, Ninh Bình. Lãnh Dinh điền sứ là Nguyễn Công Trứ, ở phía ngoài đê Hồng Lĩnh đo được số ruộng hoang là 14.620 mẫu, chia cấp cho

dân nghèo hơn 1.260 người. Lập thành 3 làng, 22 ấp, 24 trại và 4 giáp chia làm 5 tổng, tâu xin đặt riêng một huyện gọi là Kim Sơn, chọn người hợp với địa phương làm Tri huyện để phủ dụ khuyên bảo. Nhà ở, lương tháng, trâu cày và điền khí của dân thì do quan cấp cũng như lệ huyện Tiền Hải. Ruộng thực canh và ruộng khẩn thành điền thì bắt đầu từ năm này đánh thuế; ruộng lưu hoang thì năm Minh Mệnh thứ 13, bắt đầu thu thuế. Vua cho là được. Bèn sai chọn đặt Tri huyện, chế ấn triện cấp cho, dựng huyện lý ở làng Quy Hậu, mộ lập lại và lệ đủ số (Đề lại 2 người, Thông lại 8 người, thuộc lệ 50), hằng năm cấp tiền công nhu 50 quan⁽⁶⁾.

Việc này được phản ánh trong bản Tấu của đình thần trình lên vua Minh Mạng, còn lưu lại trong tài liệu Châu bản triều Nguyễn như sau:

Đình thần kính tâu: ngày tháng 3 năm nay, căn cứ tập tâu của Nguyễn Công Trứ trình về việc xem xét cấp ruộng hoang ở các xã ven biển cho hạng dân nghèo khó, chia lập làng xóm riêng thành một huyện tên là huyện Kim Sơn. Xin ban sắc cho phái một viên làm Tri huyện huyện đó. Vâng chỉ "Đình thần chọn cử người rồi bổ nhậm chức đó". Kinh tuấn thánh ý, chúng thần chọn Tri huyện huyện Thụy Anh Nguyễn Hữu Thái điều bổ làm Tri huyện huyện Kim Sơn...⁽⁷⁾.

Cũng theo tài liệu Châu bản triều Nguyễn, Nguyễn Công Trứ cho rằng những làng ấp mới lập của các huyện Tiền Hải, Kim Sơn đều là nhóm hợp dân phiêu tán nên ông dâng sớ xin định quy ước để kiểm tra và đưa vào khuôn phép, lâu dần sẽ thành phong tục với các nội dung: *đặt nhà học* (mỗi ấp, mỗi làng đều dựng nhà học, đón một thầy học, miễn đánh thuế); *đặt xã thương* (ấp và làng đều đặt xã thương - kho thóc ở xã và chọn người tin cẩn để giữ); *siêng dạy bảo* (các Ấp trưởng, Lý trưởng, Tư trưởng phải cai quản, nghiêm ngặt răn



Hình 1



Hình 2

Hình 1, hình 2: Tờ 203, tập 30: Bản tấu của đình thần về việc Nguyễn Công Trứ trình rằng làng xóm mới lập, xin định ra quy ước để đưa vào khuôn phép. Nguồn: Trung tâm Lưu trữ quốc gia I.

cắm những kẻ bất hiếu, bất đẽ, bất thuận, bất kính cùng là du thủ du thực, giao kết với côn đồ); *Cẩn phòng thư* (trong tổng chỗ nào có giặc cướp, thì Lý trưởng cùng Tư trưởng đem dân phu theo Tổng trưởng, đến cứu gấp); *Chăm khuyên răn* (nơi nào dân phong tục thuần hậu, ruộng đồng mở mang, nhà không có người ăn chơi, đất không có nơi bỏ hoang thì được thưởng và ngược lại thì đều bị chiếu luật trừng trị)⁽⁸⁾.

Ngoài nông dân lưu tán, Nguyễn Công Trứ còn chú trọng huy động cả quân lính vào công cuộc khẩn hoang. Tháng 9 năm Nhâm Thìn, Minh Mạng năm thứ 13 (1832), Thự Tổng đốc Hải Yên là Nguyễn Công Trứ tâu rằng: “Tình Quảng Yên nhiều đất bỏ hoang, những chỗ có thể khai khẩn được hàng nghìn mẫu, duy có điều, dân ở đây quen nghề đánh cá đi buôn, không thích làm ruộng. Vậy xin phỏng theo cách làm đồn điền xưa liệu phái lính thú, do nhà nước cấp cho lương ăn đồ dùng, sai đi khai khẩn cây cấy, chỗ nào nên phải đắp đê thì cho đắp lên. Đến lúc thu hoạch cứ số thóc làm được chia làm 3 phần, lấy 2 phần để vào kho, còn 1 phần cấp cho người vỡ ruộng. Sau khi thành ruộng, mộ dân lính cấy, đánh thuế theo lệ công điền”.

Vua dụ sai Nguyễn Công Trứ phải thân đến tận nơi xem xét. Công Trứ liền hội đồng với Thự Tuần phủ là Lê Đạo Quảng chọn chỗ đất khoảng khoát có thể cấy được ở ba xã Lưu Khê, Vị Dương (thuộc huyện Yên Hưng) và An Phong (thuộc huyện Hoa Phong) cộng 3.500 mẫu. Nghĩ xin đắp đê chống nước mặn, dài hơn 2.740 trượng, lấy lính thú tỉnh Quảng Yên và phái thêm lính cơ Hải Dương góp sức cùng làm. Khi đắp xong liệu cho lưu lại khai khẩn. Vua ưng thuận⁽⁹⁾.

Năm 1838, trong khi dẹp giặc biển ngoài khơi tỉnh Quảng Yên, Nguyễn Công Trứ tổ chức lính thú khai hoang ở đảo Chàng Sơn, chiêu mộ 180 người cho họ cày cấy đất đó, lập thành làng Hương Hóa

(thuộc châu Vân Đồn). Sách *Quốc triều sử toát yếu* chép: “Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền lại qua Chàng Sơn... chiêu phủ được binh dân cả thảy 180 người, lập làm làng Hương Hóa;... đặt Lý trưởng và Giáp trưởng để quản trị, cho thuộc về châu Vân Đồn, trước bộ chịu thuế. Công Trứ dâng sớ tâu việc ấy. Ngài cho”⁽¹⁰⁾.

Năm 1842, khi *Thất Sơn* đã dẹp yên, người Thanh, người Thổ ra hàng. Vua sai ông cùng Phùng Nghĩa Phương thay nhau sắp đặt, lựa chia lập ấp, thôn, đặt người trông coi, giúp đỡ sự khai khẩn ruộng đất cho cày và ở, để việc làm và chỗ ở được yên⁽¹¹⁾.

Theo bản Tấu của Phủ Phụ chính, năm Duy Tân 7 (1913), nhờ Nguyễn Công Trứ có công khai phá đất hoang cho dân và sau khi ông qua đời, tra xét gia cảnh quê quán khó khăn, con cháu chỉ còn 4, 5 người, nhà thờ chỉ vài gian lợp rạ, khói hương lạnh lẽo, quan đại thần Thống sứ Bắc kỳ đã gửi giao số tiền là 725 đồng 2 hào, 2 xu do huyện Kim Sơn quyền góp để cấp cho con cháu Nguyễn Công Trứ để lo cho việc tu bổ từ đường và mua chút ruộng tự điền để chi phí việc đèn hương, còn nghị thức của việc phong tước cho Nguyễn Công Trứ, xin do sở có liên quan chiếu lệ tuân theo thực hiện. Bản Tấu đã được vua Duy Tân phê duyệt⁽¹²⁾.

Cũng theo *Châu bản triều Nguyễn*, để ghi nhớ công ơn của Nguyễn Công Trứ, năm Bảo Đại 18 (1943) Bộ Quốc dân Giáo dục đã trình lên vua Bảo Đại bản Tấu về việc đặt tên cho trường Trung học Vinh và Quy Nhơn với nội dung như sau:

“Cố vấn của Bộ Quốc gia Giáo dục trình chúng tôi dự định chọn cho mỗi trường Trung học Vinh và Quy Nhơn một cái tên nổi tiếng của địa phương để đặt tên cho xứng đáng là “Trung học Nguyễn Du” và “Trung học Võ Tánh”. Theo chúng tôi, ở vùng Nghệ Tĩnh có một vĩ nhân khác là Nguyễn Công Trứ có thể so

sánh được với tác giả *Kim Vân Kiều*. Đề nghị Hoàng thượng xem xét và lấy tên Nguyễn Công Trứ cho trường Trung học Vinh và Võ Tánh cho trường Trung học Quy Nhơn, đời chỉ lục tuần. Châu phê: Chuẩn y. Ngự ký: BĐ⁽¹³⁾.

Biến những khu đất hoang thành ruộng đồng phì nhiêu, mở rộng diện tích canh tác, đem lại nguồn tô thuế cho nhà nước, góp phần ổn định đời sống nhân dân, ổn định tình hình chính trị xã hội..., đó là những thành quả có được từ công cuộc khẩn hoang và là bằng chứng cho thấy Nguyễn Công Trứ thực sự là nhà khẩn hoang tài ba của thế kỷ XIX. ■

CHÚ THÍCH:

1. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, tr.719.
2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, tr.719-720.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, tr.721.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, Hà Nội, 2002, tr.778.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, 2002, tr.779.
6. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, 2002, tr.843.
7. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, *Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mạng*, tờ 53, tập 30.
8. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, *Châu bản triều Nguyễn, triều Minh Mạng*, tờ 203, tập 30.
9. Quốc sử quán triều Nguyễn, *sđđ*, 2002, tr.383.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều sử toát yếu*, Hoàng Văn Lâu dịch, in trong Tuyển tập Cao Xuân Dục, tập 3, Nxb. Văn Học, Hà Nội, 2002, tr.281.
11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 6, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2002, tr.361.
12. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, *Châu bản triều Nguyễn, triều Duy Tân*, tờ 27, tập 34.
13. Trung tâm lưu trữ quốc gia I, *Châu bản triều Nguyễn, triều Bảo Đại*, tờ 47, tập 47.